TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Hoàn

2. Bà Hà Thị Bích Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nông Quốc Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Việt A – sinh năm 199x

Nơi cư trú: Xóm Chang Khuyên, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng

(Có mặt)

- *Bị đơn:* Bế Đức T – sinh năm 198x

Nơi cư trú: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Việt A trình bày: chị A và anh T kết hôn ngày 22 tháng 12 năm 2015, kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Thời điểm kết hôn chị A và anh T cùng làm việc tại Trung tâm viễn thông T. Sau khi kết hôn chị A và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 8/2020 đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong công việc, gia đình, nuôi dạy con cái. Chị A cũng khai anh T có hành vi bạo hành, bóp cổ vợ. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, hai anh chị đã được gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Hai anh chị đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay, từ khi ly thân hai anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị A và anh T có 01 (một) con chung, con chung tên là Bế Nguyễn Minh Đ – sinh ngày xx/yy/20zz. Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn. Chị A xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 30/6/2022 bị đơn Bế Đức T trình bày: anh T và chị A kết hôn tháng 10/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh T và chị A chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2020 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi vã, mâu thuẫn xảy ra kéo dài nên không còn chung sống với nhau. Mâu thuẫn xảy ra anh em họ hàng, bạn bè có góp ý để vợ chồng hòa giải nhưng không thành. Tình cảm vợ chồng hiện giờ đã phai nhạt nên anh T đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị A.Trong quá trình chung sống vợ chồng chị A và anh T có 01 (một) con chung, con chung tên là Bế Nguyễn Minh Đ – sinh ngày xx/yy/20zz. Khi ly hôn anh T nhất trí để chị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: do tình trạng sức khỏe không ổn định nên anh T đề nghị không cấp dưỡng cho con. Anh T xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Đồng thời anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận định:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại điều 48, 195,196,198, 203 BLTTDS năm 2015; Xác định tư cách tố tụng, giao nhận văn bản tố tụng, hồ sơ vụ án thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, được quy định tại điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

II. Về việc giải quyết vụ án

Chị A và anh T kết hôn tự nguyện trên cơ sở tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22/12/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Từ tháng 9 năm 2020 nảy sinh mâu thuẫn. Chị A yêu cầu ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A và anh T có 01 con chung là Bế Nguyễn Minh Đ – sinh ngày xx/yy/20zz, khi ly hôn hai anh chị cùng thống nhất giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung hai anh chị cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của chị A; giao cháu Bế Nguyễn Minh Đ cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh T tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh Bế Đức T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn Bế Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, tại bản tự khai và Đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ngày 30/6/2022 anh T trình bày vì lý do sức khỏe nên không đến Tòa án được, do đó anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt và đã có đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn chị Nguyễn Việt A và anh Bế Đức T đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu. Như vậy, quan hệ giữa chị A và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn chị A và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Chị A và anh T đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân hai anh chị đã tìm cách để hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Sau khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Tòa án đã cho các bên đương sự thời gian cũng như cơ hội để hòa giải, khắc phục mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy chị A và anh T cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[3] Về con chung: Chị A và anh T có 01 (một) con chung tên là Bế Nguyễn Minh Đ – sinh ngày xx/yy/20zz (giới tính: Nam). Khi ly hôn chị A và anh T cùng nhất trí giao con chung cho chị A tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng cho con: Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, anh T cũng nhất trí không cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương xác định không có tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Việt A đối với anh Bế Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung Bế Nguyễn Minh Đ – sinh ngày xx/yy/20zz (giới tính: Nam) cho chị Nguyễn Việt A tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng cho con: Không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Việt A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Việt A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000946 ngày 20/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng. Chị Nguyễn Việt A đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Việt A có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bế Đức T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND H.T;
- Tòa án ND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS H. T;
- UBND thị trấn Đ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mã Hồng Nhung